



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
10 NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 3

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 45
8. Phụ lục 1 – Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	46
9. Phụ lục 1 – Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đối với số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất	47 - 48
10. Phụ lục 2 – Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đối với số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	49
11. Phụ lục 3 – Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đối với số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	50

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Sông Đà 3 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 2372/QĐ – BXD ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189364 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 9 ngày 09 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (0269) 3715390
- Fax : (0269) 3715389

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 3.06	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.02	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.07	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội	Số 18/165 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ban Điều hành thủy điện Pleikrong	Sa Bình, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ cơ giới và công nghệ xây dựng đầu tư, xây dựng và khai thác các nhà máy phong điện vừa và nhỏ;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. Chi tiết: Xây xát đá, nghiền đá và cắt tạo dáng đá xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, thủy lợi, buru điện, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Ninh Duy Phóng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2017
Ông Hoàng Minh Thuận	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Năm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Bình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Ngọc Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Hữu Phước	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Thanh Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Ngọc Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Tạ Duy Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Khuất Văn Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Năm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 3 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Viết Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2017
Ông Đặng Bá Điền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2016
Ông Lê Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2016
Ông Phí Đình Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Năm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 26 tháng 4 năm 2017

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2018



Số: 3.0010/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 11 năm 2018, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính các năm trước do có nhiều khoản chi phí bị bỏ sót và xác định lại giá thành các công trình xây lắp (xem thuyết minh số VII.3). Nếu Công ty ghi nhận chi phí đúng niên độ và tập hợp chi phí, tính giá thành theo từng năm, thì chỉ tiêu giá vốn trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từng năm và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày cuối năm và đầu năm có thể thay đổi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ tiếp tục bị 70.652.225.200 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 188.568.133.746 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 173.193.417.120 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ tiếp tục bị đình trệ, bị lỗ do thiếu vốn hoạt động và không có công trình mới. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty mẹ (xem thuyết minh số VII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất).
- Đến ngày phát hành Báo cáo này, một phần doanh thu dự án Thủy điện Đồng Nai 5 đã ghi nhận các năm trước có thể không được chủ đầu tư phê duyệt khi quyết toán với số tiền khoảng 41 tỷ đồng do Kiểm toán Nhà Nước kiến nghị chưa đủ điều kiện thanh, quyết toán (xem thuyết minh số VII.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Trần Nhật Khuyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2794-2014-008-1

Nha Trang, ngày 07 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		737.787.923.591	671.756.414.081
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.268.674.951	13.174.036.707
1. Tiền	111		19.268.674.951	13.174.036.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		408.577.701.058	368.342.658.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	372.326.421.399	320.344.302.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	13.609.245.349	13.202.094.932
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	1.265.860.531	1.265.860.531
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	37.981.717.508	38.007.760.239
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.908.296.570)	(4.477.359.577)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	302.752.841	-
IV. Hàng tồn kho	140		297.889.710.649	274.754.784.061
1. Hàng tồn kho	141	V.8	297.889.710.649	274.754.784.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.051.836.933	15.484.934.954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.531.308.733	7.688.291.827
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.880.584.886	7.783.123.475
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	639.943.314	13.519.652
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		744.495.308.978	811.291.835.682
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		780.000.000	780.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	780.000.000	780.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		697.777.206.322	735.677.731.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	697.777.206.322	735.677.731.081
- Nguyên giá	222		912.705.073.275	914.309.024.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.927.866.953)	(178.631.293.862)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.949.855.307	29.791.911.151
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	29.949.855.307	29.791.911.151
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.900.000.000	33.700.370.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	5.900.000.000	33.700.370.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.088.247.349	11.341.823.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	9.513.891.131	10.616.685.989
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	574.356.218	725.137.461
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.482.283.232.569	1.483.048.249.763

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.334.743.426.089	1.308.698.190.726
I. Nợ ngắn hạn	310		944.742.707.286	878.697.471.923
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a,b	230.221.692.095	232.742.331.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	9.728.322.605	30.387.456.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.023.615.315	12.627.332.747
4. Phải trả người lao động	314	V.17	36.263.905.766	33.500.175.191
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	55.348.269.606	65.168.643.578
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,b	39.126.901.165	23.838.534.982
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a,c	565.430.887.693	478.935.512.309
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.599.113.041	1.497.485.724
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		390.000.718.803	430.000.718.803
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b,c	390.000.718.803	430.000.718.803
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.539.806.480	174.350.059.037
I. Vốn chủ sở hữu	410		147.539.806.480	174.350.059.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	159.993.560.000	159.993.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		159.993.560.000	159.993.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		100.029.499.600	100.029.499.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	23.233.250.510	23.073.123.193
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(138.443.763.709)	(111.025.231.090)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(111.345.485.724)	(111.025.231.090)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(27.098.277.985)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	2.727.260.079	2.279.107.334
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.482.283.232.569	1.483.048.249.763

Gia Lai, ngày 26 tháng 11 năm 2018

Phạm Hồng Trung
Người lập

Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	343.711.778.734	503.918.205.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.432.446.955	37.951.873.139
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		338.279.331.779	465.966.332.087
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	230.290.499.448	361.163.652.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.988.832.331	104.802.679.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	167.352.342	1.022.932.694
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	93.006.109.585	84.478.663.455
Trong đó: chi phí lãi vay	23		91.905.752.034	83.296.576.844
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	42.002.481.832	44.244.229.308
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(26.852.406.744)	(22.897.280.174)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.032.070.686	4.219.691.283
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.677.110.739	4.058.153.717
14. Lợi nhuận khác	40		354.959.947	161.537.566
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(26.497.446.797)	(22.735.742.608)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1.897.200	519.314.536
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	150.781.243	(39.225.624)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(26.650.125.240)	(23.215.831.520)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(27.098.277.985)	(23.319.998.329)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		448.152.745	104.166.809
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	(1.694)	(1.468)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	(1.694)	(1.468)


Phạm Hồng Trung
Người lập

Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng

Gia Lai, ngày 26 tháng 11 năm 2018

Vũ Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(26.497.446.797)	(22.735.742.608)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	40.940.394.893	39.613.345.865
- Các khoản dự phòng	03	V.5	12.430.936.993	(598.748.051)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(234.896.031)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(673.043.923)	878.998.561
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	91.905.752.034	83.296.576.844
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		118.106.593.200	100.219.534.580
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.389.864.765)	(395.870.442)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(23.134.926.588)	16.553.473.607
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.598.562.585)	(83.623.184.785)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	7.259.777.952	(6.905.445.991)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(98.404.079.709)	(38.865.880.465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(1.456.774.278)	(5.804.616.768)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(58.500.000)	(203.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(65.676.336.773)	(19.025.690.264)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(3.197.814.290)	(63.994.197.805)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	576.875.001	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12	27.800.370.000	9.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	96.168.922	354.554.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.275.599.633	(54.639.643.472)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	364.769.000.000	507.458.262.250
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(318.273.624.616)	(432.854.934.661)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(150.601.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46.495.375.384	74.452.726.318
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.094.638.244	787.392.582
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.174.036.707	12.257.822.877
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	128.821.248
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.268.674.951	13.174.036.707

Gia Lai, ngày 26 tháng 11 năm 2018

Phạm Hồng Trung
Người lập

Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là: Xây dựng các công trình thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh điện thương phẩm ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay sụt giảm mạnh so với năm trước do các công trình đã đi vào giai đoạn hoàn tất mà không có phát sinh công trình mới; trong khi đó chi phí lãi vay tăng do chậm thanh toán nợ gốc và chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ giảm nhẹ nên hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đăk Lô có trụ sở chính tại Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 98,97%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ: khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Plei Krong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa lớn tàu kéo và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiền

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiền được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa nhỏ phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 07

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng ghi nhận doanh thu được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp doanh thu đã được ghi nhận từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.768.926.756	1.542.365.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.499.748.195	11.631.670.864
Cộng	19.268.674.951	13.174.036.707

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	254.590.414.567	252.287.369.242
Tổng Công ty Sông Đà	10.309.776.059	9.326.109.056
Ban điều hành Dự án thủy điện Đồng Nai 5	194.661.600.185	197.870.994.775
Ban điều hành Dự án thủy điện Xê ca mản 1	42.774.843.936	40.438.076.325
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	2.986.947.598	2.986.947.598
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	66.197.043	66.197.043
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.314.302.285	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)	433.950.122	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.599.044.445	1.599.044.445
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	443.752.894	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	117.736.006.832	68.056.932.992
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	22.397.543.132	20.405.400.864
Các khách hàng khác	95.338.463.700	47.651.532.128
Cộng	<u>372.326.421.399</u>	<u>320.344.302.234</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	13.609.245.349	13.202.094.932
Xi măng phụ gia Phước Hòa	3.903.317.507	3.903.317.507
DNTN Hoàng Trọng	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Dầu khí Trung Thành	1.188.810.909	1.188.810.909
DNTN Trường An	1.174.875.502	1.174.875.502
Các khoản phải trả người bán khác	6.042.241.431	5.635.091.014
Cộng	<u>13.609.245.349</u>	<u>13.202.094.932</u>

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

Khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Plei Krong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.504.004.128	-	2.242.825.185	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	2.399.645.946	-	1.138.467.003	-
Chi nhánh Sông Đà 505	1.104.358.182	-	1.104.358.182	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	34.477.713.380	(4.437.170.126)	35.764.935.054	(1.660.445.230)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	128.875.000	-	1.300.000	-
Tạm ứng	10.097.348.487	(504.461.503)	7.089.493.227	(354.458.465)
Phải thu về cho vay	-	-	2.700.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.201.489.893	(3.932.708.623)	12.924.141.827	(1.305.986.765)
Cộng	37.981.717.508	(4.437.170.126)	38.007.760.239	(1.660.445.230)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		1.599.044.445	-		1.599.044.445	1.599.044.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	1.599.044.445	-	trên 3 năm	1.599.044.445	1.599.044.445
Các tổ chức và cá nhân khác		15.309.252.125	-		15.309.252.125	10.831.892.548
Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	3.305.078.081	-	trên 3 năm	3.305.078.081	1.663.039.236
Các khoản phải thu khác	trên 3 năm	3.932.708.623	-	trên 3 năm	3.932.708.623	2.626.721.858
Tạm ứng	trên 3 năm	504.461.503	-	trên 3 năm	504.461.503	150.003.038
Trả trước người bán	trên 3 năm	7.567.003.918	-	trên 3 năm	7.567.003.918	6.392.128.416
Cộng		16.908.296.570	-		16.908.296.570	12.430.936.993

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.477.359.577	5.076.107.628
Trích dự phòng bổ sung	12.430.936.993	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(598.748.051)
Số cuối năm	16.908.296.570	4.477.359.577

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Số cuối năm là tiền mặt tại quỹ bị mất trộm.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.034.232.404	-	19.363.751.267	-
Công cụ, dụng cụ	1.383.610.664	-	2.918.843.556	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	287.661.189.531	-	250.799.039.965	-
Thành phẩm	810.678.050	-	1.673.149.273	-
Cộng	297.889.710.649	-	274.754.784.061	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	375.754.087	7.177.432.775
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.155.554.646	510.859.052
Cộng	<u>1.531.308.733</u>	<u>7.688.291.827</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	4.206.966.172	3.719.099.725
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa trạm nghiên	4.160.543.677	4.864.261.445
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.146.381.282	2.033.324.819
Cộng	<u>9.513.891.131</u>	<u>10.616.685.989</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	470.630.054.740	387.172.896.751	54.653.277.726	1.302.522.999	550.272.727	914.309.024.943
Đầu tư xây dựng hoàn thành	969.234.612	1.844.499.158	150.000.000	76.136.364	-	3.039.870.134
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.097.021.393)	(3.546.800.409)	-	-	(4.643.821.802)
Số cuối năm	<u>471.599.289.352</u>	<u>387.920.374.516</u>	<u>51.256.477.317</u>	<u>1.378.659.363</u>	<u>550.272.727</u>	<u>912.705.073.275</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	64.569.050.184	39.872.065.618	97.500.000	108.909.091	104.647.524.893
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	17.333.519.342	110.511.418.139	50.009.849.956	375.885.222	400.621.203	178.631.293.862
Khấu hao trong năm	18.696.912.713	21.053.533.865	777.129.550	339.029.034	73.789.731	40.940.394.893
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.097.021.393)	(3.546.800.409)	-	-	(4.643.821.802)
Số cuối năm	<u>36.030.432.055</u>	<u>130.467.930.611</u>	<u>47.240.179.097</u>	<u>714.914.256</u>	<u>474.410.934</u>	<u>214.927.866.953</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	453.296.535.398	276.661.478.612	4.643.427.770	926.637.777	149.651.524	735.677.731.081
Số cuối năm	<u>435.568.857.297</u>	<u>257.452.443.905</u>	<u>4.016.298.220</u>	<u>663.745.107</u>	<u>75.861.793</u>	<u>697.777.206.322</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính là 651.475.698.467 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	324.500.000	(324.500.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	29.791.911.151	3.321.213.290	(2.715.370.134)	(447.899.000)	29.949.855.307
Công trình thủy điện Đăk Lô ⁽ⁱ⁾	29.647.567.659	3.321.213.290	(2.639.233.770)	(447.899.000)	29.881.648.179
Các công trình khác	144.343.492	-	(76.136.364)	-	68.207.128
Sửa chữa lớn tài sản cố định		34.073.600		(34.073.600)	-
Cộng	29.791.911.151	3.679.786.890	(3.039.870.134)	(481.972.600)	29.949.855.307

(i) Trong đó, chi phí quản lý dự án vượt tổng mức đầu tư chưa được phê duyệt bổ sung là 20.375.989.273 VND, chi phí thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công không có trong dự toán là 178.751.528 VND.

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.900.000.000	-	-	33.700.370.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.450.000.000	-	-	3.450.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện ĐăkPsi	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	950.000.000	-	1.377.136.000	950.000.000	-	1.493.280.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Sor 3	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân	-	-	-	27.800.370.000	-	-
Cộng	5.900.000.000	-	-	33.700.370.000	-	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi nội bộ chưa thực hiện trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	725.137.461	685.911.837
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(150.781.243)	39.225.624
Số cuối năm	574.356.218	725.137.461

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	24.658.266.229	29.789.862.688
Tổng Công ty Sông Đà	700.099.508	-
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5	418.924.181	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	3.627.535.367	3.333.956.676
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.761.016.957	3.737.077.157
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	107.572.714
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)	-	2.371.152.120
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055	19.377.597.121
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	40.554.287
Chi nhánh Sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	655.142.803	819.727.452
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161	2.225.161
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	205.563.425.866	202.952.468.544
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Đà Nẵng	16.541.232.727	16.541.232.727
Công ty Cổ phần xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum	13.037.264.271	13.117.308.841
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hoà Bình	17.680.218.765	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Tùng Châu	11.429.664.340	222.088.371
Công ty Cổ phần Hương Trầm	12.557.342.179	13.068.543.707
Các khoản phải trả người bán khác	134.317.703.584	160.003.294.898
Cộng	230.221.692.095	232.742.331.232

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các bên liên quan</i>	19.221.441.012	23.114.674.278
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.761.016.957	3.737.077.157
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055	19.377.597.121

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	118.001.018.276	150.270.195.012
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Đà Nẵng	16.541.232.727	16.541.232.727
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum	13.037.264.271	13.117.308.841
Công ty Cổ phần Hương Trầm	12.557.342.179	13.068.543.707
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	9.992.605.509	28.289.520.308
Các nhà cung cấp khác	65.872.573.590	79.253.589.429
Cộng	137.222.459.288	173.384.869.290

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	2.829.096.505	17.472.674.998
Tổng Công ty Sông Đà	2.829.096.505	2.829.096.505
Ban điều hành thủy điện Đồng Nai 5	-	14.643.578.493
Trả trước của khách hàng khác	6.899.226.100	12.914.781.162
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	6.243.612.600	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	-	12.128.929.555
Các khách hàng khác	655.613.500	785.851.607
Cộng	9.728.322.605	30.387.456.160

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.510.366.534	100.000	14.323.979.712	(15.526.981.602)	1.933.354.267	626.089.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.518.976.978	-	1.897.200	(1.456.774.278)	64.099.900	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.197.649.218	-	680.296.401	(324.775.576)	1.553.170.043	-
Thuế tài nguyên	2.567.231.543	-	11.240.563.227	(10.845.600.845)	2.962.193.925	-
Tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	18.892.981	(18.892.981)	-	-
Thuế môn bài	-	13.419.652	44.410.711	(44.844.750)	-	13.853.691
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.833.108.474	-	775.528.721	(5.097.840.015)	510.797.180	-
Cộng	12.627.332.747	13.519.652	27.085.568.953	(33.315.710.047)	7.023.615.315	639.943.314

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đăk Lô như sau: theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đăk Lô được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế do Công ty thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khăn. Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới nên phần thu nhập từ dự án đầu tư mới mang lại được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm từ năm 2016 đến hết năm 2030. Đồng thời, Công ty được miễn thuế TNDN phải nộp trong 04 năm (từ năm 2016 đến hết năm 2019) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến hết năm 2028) đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	455.314.536
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.897.200	64.000.000
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.897.200	519.314.536

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân là 1.720,65 VND/kWh, thuế suất thuế tài nguyên là 5%.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	55.348.269.606	65.168.643.578
Chi phí lãi vay phải trả	47.689.901.800	54.188.229.475
Chi phí trích trước về khắc phục sạt lở tại công trình nhà máy thủy điện Đăk Lô	-	7.061.510.535
Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng	5.712.361.503	1.980.457.265
Các khoản chi phí trích trước khác	1.946.006.303	1.938.446.303
Cộng	55.348.269.606	65.168.643.578

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả ngắn hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	8.189.558.490	-
Tổng Công ty sông Đà (Giá trị cần trừ công nợ qua Xekaman 1)	8.189.558.490	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.937.342.675	23.838.534.982
Kinh phí công đoàn	1.160.495.788	1.392.851.646
Bảo hiểm xã hội	4.162.974.863	2.363.087.825
Bảo hiểm y tế	1.733.927.351	1.089.585.521
Bảo hiểm thất nghiệp	1.058.138.714	789.654.669
Quỹ bảo vệ môi trường rừng	1.176.738.360	826.089.980
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.067.807.205	3.358.087.598
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	3.824.742.569	2.858.461.353
Phải trả các đội về lương	2.232.629.375	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.388.012.048	3.028.839.988
Cộng	39.126.901.165	23.838.534.982

19b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.169.642.552	11.489.964.000
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.067.807.205	3.358.087.598
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	1.938.253.870	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31.705.075	-
Cộng	14.169.642.552	11.489.964.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	565.430.887.693	47.600.000.000	478.935.512.309	313.918.624.616
Vay ngắn hạn ngân hàng	507.252.810.965	5.000.000.000	461.753.435.581	312.314.624.616
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱ⁾	499.763.942.908	-	452.603.435.581	303.164.624.616
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum ⁽ⁱⁱ⁾	7.488.868.057	5.000.000.000	9.150.000.000	9.150.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	55.578.076.728	40.000.000.000	17.182.076.728	1.604.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(iv)	15.578.076.728	-	15.578.076.728	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (xem thuyết minh số V.20b)	40.000.000.000	40.000.000.000	1.604.000.000	1.604.000.000
Cộng	565.430.887.693	47.600.000.000	478.935.512.309	313.918.624.616

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/369556/HĐTDHM thay thế hợp đồng số 05/MHĐCTD ngày 11/5/2016. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức vay vốn ngắn hạn là 500.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay là: thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND hoặc ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; tín chấp.
- (ii) Khoản vay theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 141.16/2016-HĐTDHM/NHCT510-SONGDA3 ngày 15/7/2016 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Sông Đà 3. Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 VND, được rút bằng VND. Mục đích vay để bổ sung vốn thanh toán các chi phí hợp lý để thi công các hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Đăk Lô 1, 2, 3 theo Hợp đồng thi công xây dựng số 59/2015/VS-SĐ3 ngày 22/12/2015 giữa Công ty TNHH MTV Cơ Giới Xanh Việt Sinh (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình) với Công ty Cổ phần Sông Đà 3 và các phụ lục kèm theo. Thời gian vay từ ngày 15/7/2016 đến ngày 10/7/2017. Lãi suất thả nổi. Biện pháp đảm bảo tiền vay là hợp đồng thi công xây dựng số 59/2015/VS-SĐ3 ngày 22/12/2015 giữa Công ty TNHH MTV Cơ Giới Xanh Việt Sinh (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình) với Công ty Cổ phần Sông Đà 3 và các hợp đồng mà Công ty Cổ phần Sông Đà 3 sẽ ký với các tổ chức/cá nhân sau thời điểm ký hợp đồng này.
 - Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 212.17/2017-HĐCVHM/NHCT510-SONGDA3DAKLO ngày 08/9/2017 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đăk Lô. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Ô tô con Toyota Fortuner 7 chỗ, biển số 82A-015.69, Ô tô khách Toyota Hiace 16 chỗ, biển số 82B-004.02 và Ô tô con Mitsubishi-pajero 7 chỗ, biển số 82A-010.50.
- (iii) Khoản vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CT-SĐ3 ngày 16/3/2017. Số tiền vay là 2.600.000.000 VND. Mục đích vay là để giải quyết vấn đề tiền lương, tiền ăn cho công nhân đang thi công trên các công trường do bên B đang gặp khó khăn về tiền vốn lưu động. Thời hạn cho vay theo thỏa thuận 02 bên, bên B cam kết trả lại khoản vay cho bên A trong thời gian sớm nhất có thể sau khi giải quyết được vấn đề khó khăn về vốn lưu động. Lãi suất cho vay là 0%.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 01/2013/369556/HĐTD ngày 04/12/2013. Số tiền vay là 27.440.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2011. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của BIDV, việc thế chấp, cầm cố hay hình thức bảo đảm khác được lập thành hợp đồng riêng.
 - Hợp đồng số 01/2014/369556/HĐTD ngày 27/6/2014. Số tiền vay là 39.500.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014. Thời gian vay là 48 tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/6/2018. Thời hạn rút vốn là 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lực. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay không phân biệt nguồn vốn đầu tư dự án “Đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014”. Số gốc còn phải trả tại 31/12/2016 là 10.739.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong năm</u>	<u>Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số trả nợ gốc vay trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	461.753.435.581	357.814.000.000	-	(312.314.624.616)	507.252.810.965
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	4.355.000.000	-	(4.355.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	2.600.000.000	-	-	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>17.182.076.728</u>	<u>-</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>(1.604.000.000)</u>	<u>55.578.076.728</u>
Cộng	<u>478.935.512.309</u>	<u>364.769.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>(318.273.624.616)</u>	<u>565.430.887.693</u>

20b. Vay dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng số 5100-LAV-20100411 ngày 04/11/2010 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung số 03/5100-LAV-201100671 ngày 22/8/2016, hạn mức tín dụng 432.462.000.000 VND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk Lô. Thời gian vay là 16 năm kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, bao gồm 4 năm ân hạn kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Thời hạn trả nợ 12 năm, được chia làm 23 kỳ. Lãi suất tiền vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (có tính dự trừ bắt buộc và dự trừ thanh toán) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kon Tum thông báo từng thời kỳ cộng với lãi suất biên là 3,0%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay dài hạn của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất, được áp dụng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 24/12/2016. Sau thời hạn nói trên, các bên sẽ thực hiện thỏa thuận điều chỉnh mức lãi suất mới để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên..

Hợp đồng này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ công trình Thủy điện Đăk Lô.

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	55.578.076.728	17.182.076.728
Trên 1 năm đến 5 năm	172.000.000.000	166.000.000.000
Trên 5 năm	218.000.718.803	264.000.718.803
Cộng	<u>445.578.795.531</u>	<u>447.182.795.531</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	430.000.718.803	431.604.718.803
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(40.000.000.000)	(1.604.000.000)
Số cuối năm	<u>390.000.718.803</u>	<u>430.000.718.803</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	Cộng
Số cuối năm			
Gốc	515.342.019.636	2.488.868.057	517.830.887.693
Lãi	26.223.998.786	-	26.223.998.786
Cộng	541.566.018.422	2.488.868.057	544.054.886.479
Số đầu năm			
Gốc	149.438.810.965	-	149.438.810.965
Lãi	8.302.968.695	-	8.302.968.695
Cộng	157.741.779.660	-	157.741.779.660

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.497.485.724	1.288.831.030
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	160.127.317	412.354.694
Chi quỹ	(58.500.000)	(203.700.000)
Số cuối năm	1.599.113.041	1.497.485.724

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 1

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	81.596.715.600	81.596.715.600
Các cổ đông khác	78.396.844.400	78.396.844.400
Cộng	159.993.560.000	159.993.560.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.999.356	15.999.356

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã trích bổ sung các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-SD3- ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền</u>
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	160.127.317
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	160.127.317

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu khác	188.225.277.304	392.607.754.747
Doanh thu điện thương phẩm	155.486.501.430	111.310.450.479
Cộng	<u>343.711.778.734</u>	<u>503.918.205.226</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	822.389.842	3.467.188.669
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.286.094.774	108.727.000.000
Giảm trừ doanh thu hợp đồng xây dựng	-	37.611.476.118
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.400.000.000	33.653.528.796
Giảm trừ doanh thu hợp đồng xây dựng	-	249.796.735
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ		
Doanh thu cung cấp vật tư; vữa bê tông	-	946.174.242
Giảm trừ doanh thu hợp đồng xây dựng	-	90.600.286
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)		
Doanh thu cung cấp vật tư; vữa bê tông	519.354.838	-
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu cung cấp vật tư; vữa bê tông	889.000.000	1.081.965.599

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu hợp đồng xây dựng phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng và doanh thu khác	172.237.601.741	310.843.708.483
Giá vốn điện thương phẩm	58.052.897.707	50.319.943.709
Cộng	<u>230.290.499.448</u>	<u>361.163.652.192</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.068.922	55.898.333
Cổ tức, lợi nhuận được chia	69.100.000	967.034.361
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	71.183.420	-
Cộng	<u>167.352.342</u>	<u>1.022.932.694</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	91.905.752.034	83.296.576.844
Lỗ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.182.086.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.100.357.551	-
Cộng	<u>93.006.109.585</u>	<u>84.478.663.455</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	18.766.155.636	27.549.251.266
Chi phí vật liệu, bao bì	1.189.119.356	2.153.457.441
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	640.416.493	1.067.044.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.828.257	1.156.963.809
Thuế, phí và lệ phí	294.714.586	948.859.601
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	12.430.936.993	(598.748.051)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.640.997.187	5.203.909.783
Các chi phí khác	5.654.313.324	6.763.490.525
Cộng	<u>42.002.481.832</u>	<u>44.244.229.308</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	576.875.001	-
Xử lý công nợ	1.455.195.685	4.219.691.283
Cộng	<u>2.032.070.686</u>	<u>4.219.691.283</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản bị phạt, bị truy thu	1.675.110.739	4.006.687.434
Chi phí khác	2.000.000	51.466.283
Cộng	<u>1.677.110.739</u>	<u>4.058.153.717</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(60.015.461)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	150.781.243	20.789.837
Cộng	<u>150.781.243</u>	<u>(39.225.624)</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(27.098.277.985)	(23.319.998.329)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(160.127.317)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(27.098.277.985)	(23.480.125.646)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.999.356	15.999.356
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.694)</u>	<u>(1.468)</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm nay là 929.860.000 VND (trong năm trước là 722.560.000VND)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Ban điều hành gói thầu số 4	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Mua sắm tài sản cố định	150.000.000	140.000.000
Chi phí tiền điện, tiền thuê nhà và phí bảo lãnh	649.395.734	903.391.295
Bù trừ công nợ	10.306.754.776	11.419.777.706
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Chi phí trích nộp ban điều hành, phí bảo lãnh hợp đồng	297.515.571	1.287.995.485
Bù trừ công nợ	25.343.092.937	4.362.315.794
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	11.081.660.321	52.766.848.662
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5		
Giá trị trích nộp, tiền phụ phí công trình	623.826.730	6.540.831.136
Bù trừ công nợ	14.909.616.889	37.640.474.858
Giảm giá trị trích nộp Công trình thủy điện Đồng Nai 5	-	1.299.582.586
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	4.410.720.000	64.366.500.000
Chi lương và các chi phí dịch vụ mua ngoài	807.970.099	2.459.477.532
Phải thu phụ phí công trình	453.208.844	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ		
Bù trừ công nợ	-	6.433.946.070
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	-	4.562.315.179
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08		
Chi phí mua vật tư	23.939.800	1.349.365.615
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Chi phí mua vật tư, ca máy	124.854.727	2.772.998.814
Bù trừ công nợ	1.314.302.285	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)		
Bù trừ công nợ	137.340.200	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Chi phí mua vật tư, ca máy	39.199.821	499.210.565
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Chi phí mua vật tư	80.446.280	-
Thu tiền cung cấp vật tư	200.000.000	-
Bù trừ công nợ	245.030.929	1.062.024.303
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm công trình phải trả	434.268.446	1.008.528.799

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.5, V.14a, V.15 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: hoạt động xây lắp.
- Lĩnh vực 2: sản xuất điện thương phẩm.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	182.792.830.349	155.486.501.430	338.279.331.779
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.792.830.349	155.486.501.430	338.279.331.779
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(22.002.063.022)	87.988.413.521	65.986.350.499
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			65.986.350.499
Doanh thu hoạt động tài chính			167.352.342
Chi phí tài chính			(93.006.109.585)
Thu nhập khác			2.032.070.686
Chi phí khác			(1.677.110.739)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.897.200)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(150.781.243)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(26.650.125.240)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.357.524.501	767.154.120	7.124.678.621
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.162.547.681	30.613.406.992	51.775.954.673

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	354.655.881.608	111.310.450.479	465.966.332.087
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	354.655.881.608	111.310.450.479	465.966.332.087
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.598.263.736	52.960.186.851	60.558.450.587
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			60.558.450.587
Doanh thu hoạt động tài chính			1.022.932.694
Chi phí tài chính			(84.478.663.455)
Thu nhập khác			4.219.691.283
Chi phí khác			(4.058.153.717)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(519.314.536)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			39.225.624
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(23.215.831.520)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.357.524.501	3.679.786.890	10.037.311.391
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.162.547.681	30.613.406.992	51.775.954.673

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	751.205.821.392	730.503.054.959	1.481.708.876.351
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			574.356.218
Tổng tài sản			1.482.283.232.569
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	852.596.295.030	482.147.131.059	1.334.743.426.089
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.334.743.426.089
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	736.856.342.020	745.466.770.282	1.482.323.112.302
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			725.137.461
Tổng tài sản			1.483.048.249.763
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	803.446.427.344	505.251.763.382	1.308.698.190.726
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.308.698.190.726

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Phần lớn hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sai sót

Trong các năm trước, Công ty ghi nhận các khoản chi phí không đúng niên độ kế toán. Khi điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính tổng hợp các năm trước, Công ty thực hiện như sau:

- Điều chỉnh các khoản chi phí lãi vay, chi phí bị phạt theo năm phát sinh.
- Do các khoản chi phí không được hạch toán chi tiết theo từng công trình và chưa xác định được chính xác chi phí phát sinh theo từng năm tài chính, Công ty xác định giá vốn các công trình năm 2017 và các năm trước theo tỷ lệ giữa tổng chi phí phát sinh và tổng giá trị sản lượng thực hiện trong 04 năm (từ năm 2014 đến năm 2017).

Ngoài ra, Công ty còn ghi nhận bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2016 theo Biên bản thanh tra của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính ngày 27 tháng 10 năm 2017.

Các chỉ tiêu bị ảnh hưởng trực tiếp trên Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 đính kèm (từ trang 47 đến trang 51).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.268.674.951	-	-	19.268.674.951
Phải thu khách hàng	367.422.298.873	-	4.904.122.526	372.326.421.399
Các khoản phải thu khác	17.649.044.730	15.895.502.652	4.437.170.126	37.981.717.508
Cộng	<u>404.340.018.554</u>	<u>15.895.502.652</u>	<u>9.341.292.652</u>	<u>429.576.813.858</u>
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.174.036.707	-	-	13.174.036.707
Phải thu khách hàng	315.440.179.708	-	4.904.122.526	320.344.302.234
Các khoản phải thu khác	17.675.087.461	15.895.502.652	4.437.170.126	38.007.760.239
Cộng	<u>346.289.303.876</u>	<u>15.895.502.652</u>	<u>9.341.292.652</u>	<u>371.526.099.180</u>

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	230.221.692.095	-	-	230.221.692.095
Vay và nợ	103.267.978.528	172.000.000.000	218.000.718.803	493.268.697.331
Các khoản phải trả khác	38.669.732.255	-	-	38.669.732.255
Cộng	<u>372.159.402.878</u>	<u>172.000.000.000</u>	<u>218.000.718.803</u>	<u>762.160.121.681</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	232.742.331.232	-	-	232.742.331.232
Vay và nợ	71.370.306.203	166.000.000.000	264.000.718.803	501.371.025.006
Các khoản phải trả khác	29.183.769.424	-	-	29.183.769.424
Cộng	<u>333.296.406.859</u>	<u>166.000.000.000</u>	<u>264.000.718.803</u>	<u>763.297.125.662</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. *Tài sản đảm bảo*

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty thế chấp quyền thu nợ từ các khoản phải thu có giá trị là 41.098.000.000 VND.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.268.674.951	-	13.174.036.707	-
Phải thu khách hàng	372.326.421.399	(4.904.122.526)	320.344.302.234	(1.642.038.845)
Các khoản phải thu khác	37.981.717.508	(4.437.170.126)	38.007.760.239	(1.660.445.230)
Cộng	429.576.813.858	(9.341.292.652)	348.541.750.847	(3.302.484.075)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	230.221.692.095	232.742.331.232
Vay và nợ	493.268.697.331	501.371.025.006
Các khoản phải trả khác	38.669.732.255	29.183.769.424
Cộng	<u>762.160.121.681</u>	<u>763.297.125.662</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty mẹ tiếp tục bị lỗ 70.652.225.200 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 188.568.133.746 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 173.193.417.120 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ tiếp tục bị đình trệ, bị lỗ do thiếu vốn hoạt động và không có công trình mới. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty mẹ.

Tuy nhiên, Tổng Công ty Sông Đà và các công ty khác trong cùng tập đoàn cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu và hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Ngoài ra, Công ty đã cơ cấu lại bộ máy quản lý để tiết giảm chi phí quản lý, tích cực thỏa thuận với Ngân hàng thương mại để khoan nợ, xóa lãi quá hạn và giảm lãi trong hạn. Hội đồng quản trị Công ty cũng đang xem xét phương án chuyển nhượng một phần khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đăk Lô để bù đắp khoản lỗ lũy kế và tăng khả năng thanh khoản. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Thông tin khác

Theo Biên bản của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành V ngày 15/8/2016 về hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Xây dựng công trình thủy điện Đồng Nai 5, một phần doanh thu Công ty đã ghi nhận trong các năm trước đối với dự án Thủy điện Đồng Nai 5 chưa đủ điều kiện thanh, quyết toán với số tiền khoảng 41 tỷ đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và chủ đầu tư vẫn đang tích cực khắc phục các thiếu sót theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước để đủ điều kiện thanh, quyết toán các khoản chi phí nêu trên.

Gia Lai, ngày 26 tháng 11 năm 2018



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**PHỤ LỤC 1: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	159.993.560.000	100.029.499.600	22.248.413.805	(78.468.490.679)	2.174.940.525	205.977.923.251
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(23.319.998.329)	104.166.809	(23.215.831.520)
Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm trước	-	-	824.709.388	(824.709.388)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm trước	-	-	-	(412.354.694)	-	(412.354.694)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(7.999.678.000)	-	(7.999.678.000)
Số dư cuối năm trước	159.993.560.000	100.029.499.600	23.073.123.193	(111.025.231.090)	2.279.107.334	174.350.059.037
Số dư đầu năm nay	159.993.560.000	100.029.499.600	23.073.123.193	(111.025.231.090)	2.279.107.334	174.350.059.037
Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	-	-	160.127.317	(160.127.317)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay	-	-	-	(160.127.317)	-	(160.127.317)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(27.098.277.985)	448.152.745	(26.650.125.240)
Số dư cuối năm nay	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(138.443.763.709)	2.727.260.079	147.539.806.480

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ ĐỐI VỚI SỐ LIỆU SO SÁNH TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	775.703.652.421	(103.947.238.340)	671.756.414.081
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	13.174.036.707	-	13.174.036.707
1. Tiền	111	13.174.036.707	-	13.174.036.707
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	368.462.563.166	(119.904.807)	368.342.658.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	320.353.222.084	(8.919.850)	320.344.302.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13.272.532.462	(70.437.530)	13.202.094.932
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	1.265.860.531	-	1.265.860.531
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	38.048.307.666	(40.547.427)	38.007.760.239
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.477.359.577)	-	(4.477.359.577)
IV. Hàng tồn kho	140	378.582.117.594	(103.827.333.533)	274.754.784.061
1. Hàng tồn kho	141	378.582.117.594	(103.827.333.533)	274.754.784.061
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	15.484.934.954	-	15.484.934.954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.688.291.827	-	7.688.291.827
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	7.783.123.475	-	7.783.123.475
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13.519.652	-	13.519.652
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	815.044.819.432	(3.752.983.750)	811.291.835.682
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	780.000.000	-	780.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	780.000.000	-	780.000.000
II. Tài sản cố định	220	735.677.731.081	-	735.677.731.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	735.677.731.081	-	735.677.731.081
- Nguyên giá	222	914.309.024.943	-	914.309.024.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(178.631.293.862)	-	(178.631.293.862)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	29.791.911.151	-	29.791.911.151
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	29.791.911.151	-	29.791.911.151
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	37.593.556.611	(3.893.186.611)	33.700.370.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	37.593.556.611	(3.893.186.611)	33.700.370.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	11.201.620.589	140.202.861	11.341.823.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.616.685.989	-	10.616.685.989
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	584.934.600	140.202.861	725.137.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.590.748.471.853	(107.700.222.090)	1.483.048.249.763

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.297.113.585.800	11.584.604.926	1.308.698.190.726
I. Nợ ngắn hạn	310	861.773.866.997	16.923.604.926	878.697.471.923
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	232.751.140.082	(8.808.850)	232.742.331.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	30.387.456.160	-	30.387.456.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.563.332.747	64.000.000	12.627.332.747
4. Phải trả người lao động	314	33.500.175.191	-	33.500.175.191
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	56.865.674.883	8.302.968.695	65.168.643.578
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.612.089.901	3.226.445.081	23.838.534.982
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	473.596.512.309	5.339.000.000	478.935.512.309
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.497.485.724	-	1.497.485.724
II. Nợ dài hạn	330	435.339.718.803	(5.339.000.000)	430.000.718.803
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	435.339.718.803	(5.339.000.000)	430.000.718.803
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	293.634.775.053	(119.284.716.016)	174.350.059.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	293.634.775.053	(119.284.716.016)	174.350.059.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	159.993.560.000	-	159.993.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	159.993.560.000	-	159.993.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	100.029.499.600	-	100.029.499.600
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	23.073.123.193	-	23.073.123.193
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.259.484.926	(119.284.716.016)	(111.025.231.090)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	8.259.484.926	(119.284.716.016)	(111.025.231.090)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	-	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.279.107.334	-	2.279.107.334
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.590.748.360.853	(107.700.111.090)	1.483.048.249.763

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ ĐỐI VỚI SỐ LIỆU SO SÁNH TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	503.918.205.226	-	503.918.205.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37.951.873.139	-	37.951.873.139
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	465.966.332.087	-	465.966.332.087
4. Giá vốn hàng bán	11	336.406.456.252	24.757.195.940	361.163.652.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	129.559.875.835	(24.757.195.940)	104.802.679.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.022.932.694	-	1.022.932.694
7. Chi phí tài chính	22	75.282.508.149	9.196.155.306	84.478.663.455
Trong đó: chi phí lãi vay	23	74.993.608.149	8.302.968.695	83.296.576.844
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44.244.229.308	-	44.244.229.308
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	11.056.071.072	(33.953.351.246)	(22.897.280.174)
12. Thu nhập khác	31	4.219.691.283	-	4.219.691.283
13. Chi phí khác	32	3.153.667.004	904.486.713	4.058.153.717
14. Lợi nhuận khác	40	1.066.024.279	(904.486.713)	161.537.566
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.122.095.351	(34.857.837.959)	(22.735.742.608)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	455.314.536	64.000.000	519.314.536
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11.757.235	(50.982.859)	(39.225.624)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.655.023.580	(34.870.855.100)	(23.215.831.520)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	11.548.472.191	(34.868.470.520)	(23.319.998.329)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	106.551.389	(2.384.580)	104.166.809
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	722	(2.190)	(1.468)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	(1.468)	(1.468)

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ ĐỐI VỚI SỐ LIỆU SO SÁNH TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.122.095.351	(34.857.837.959)	(22.735.742.608)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	39.613.345.865	-	39.613.345.865
- Các khoản dự phòng	03	(598.748.051)	-	(598.748.051)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(234.896.031)	-	(234.896.031)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.188.050)	893.186.611	878.998.561
- Chi phí lãi vay	06	74.993.608.149	8.302.968.695	83.296.576.844
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	125.881.217.233	(25.661.682.653)	100.219.534.580
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.515.775.249)	3.119.904.807	(395.870.442)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.575.539.200)	28.129.012.807	16.553.473.607
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(84.448.314.118)	825.129.333	(83.623.184.785)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.905.445.991)	-	(6.905.445.991)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.865.880.465)	-	(38.865.880.465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.804.616.768)	-	(5.804.616.768)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.412.364.294	(6.412.364.294)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(203.700.000)	-	(203.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.025.690.264)	0	(19.025.690.264)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63.994.197.805)	-	(63.994.197.805)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và				
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.000.000.000	-	9.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	354.554.333	-	354.554.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.639.643.472)	-	(54.639.643.472)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33	507.458.262.250	-	507.458.262.250
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(432.854.934.661)	-	(432.854.934.661)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(150.601.271)	-	(150.601.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	74.452.726.318	-	74.452.726.318
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	787.392.582	0	787.392.582
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.257.822.877	-	12.257.822.877
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	128.821.248	-	128.821.248
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.174.036.707	0	13.174.036.707